TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 624/2023/HCPT
Ngày: 24/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Thảo;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Phách;
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Dịu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 167/2023/TLPT-HC ngày 21 tháng 02 năm 2023 do có kháng cáo của người khởi kiện, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2022/HC-ST ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9103/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông Lê Văn L, sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn YD, xã TK, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Hoàng Thị Minh D, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố XT 1, phường PT, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

**** Người bị kiện:***

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TK, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân xã TK, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc; đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn Vui - Chủ tịch UBND xã TK; vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/4/1990, gia đình ông Lê Văn L có làm đơn xin cắm đất thổ cư UBND xã TK và đã được UBND xã duyệt ngày 13/4/1990 trong đơn thể hiện: *"Cắm đất thổ cư cho anh Lê Văn L thuộc Đội 2, diện tích 48m^2 vị trí cắm khu vực Gốc Dừa kho Tân Bồi, chuyên môn quản lý ruộng đất cắm thổ cư để lại đường đi tính từ hàng rào nhà bà Bậc ra đường rộng 10 mét (mười mét) còn lại cắm cho anh L giáp tới tường bao loan chạy dọc đường đi Ngọc Long đủ 48m. Anh L nghiêm chỉnh chấp hành Luật đất đai và thuế vườn do Nhà nước quy định, sau này Nhà nước phát triển giao thông mở rộng mặt đường anh L phải chấp hành nghiêm chỉnh. Ủy ban đã thu lệ phí đủ 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng)"*. Ngày 14/4/1990, Ban quản lý xác nhận trong đơn*: "Ban quản lý giao cho ông Lê Văn L 48m^2 làm đất thổ cư cách tường của HTX 0,2cm có chiều dài 9,6m, chiều ngang 5m = 48m theo quy định trên bản đồ"*.

Năm 1992, gia đình ông mua đất lần 2 và được UBND xã TK giao đất diện tích là 189 m^2. Năm 2002 khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) cho gia đình ông đối với diện tích đất mà gia đình ông đã mua trong 02 lần nêu trên, UBND huyện YL mới chỉ công nhận quyền sử dụng đất mà gia đình ông mua lần 2 và cấp GCNQSDĐ số R 622170 cấp ngày 10/9/2002 tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 13, diện tích 189m^2.

Ngày 19/11/2019, ông có đơn đề nghị gửi UBND xã TK về việc xem xét giải quyết việc gia đình ông đã nộp tiền và đã được UBND xã có văn bản cắm 48m^2 đất thổ cư ở khu Gốc Dừa kho Tân Bồi từ năm 1990 nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ. Ngày 13/12/2019 UBND xã TK đã có văn bản số 88/HC-UBND về việc trả lời đơn của công dân (sau đây gọi tắt là văn bản số 88); theo đó, UBND xã cho rằng, năm 2002 khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông đã cấp cả số diện tích 48m^2 nêu trên nhưng do cán bộ chuyên môn khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ đã không thu lại đơn xin cắm đất thổ cư của gia đình ông.

Ngày 10/3/2020 ông gửi đơn khiếu nại lần đầu đến UBND xã TK; ngày 02/7/2020, chủ tịch UBND xã TK có Quyết định số 100/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn L ở Thôn YD, xã TK (sau đây gọi tắt là Quyết định số 100) về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông. Theo đó, Chủ tịch UBND xã giữ nguyên toàn bộ nội dung văn bản số 88/HC-UBND ngày 13/12/2019.

Ngày 31/7/2020, ông gửi đơn khiếu nại lần 2 đến UBND huyện YL; ngày 26/02/2021 Chủ tịch UBND huyện YL có Quyết định số 660/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại lần 2 (Sau đây gọi tắt là Quyết định số 660), nội dung giữ nguyên Quyết định số 100 của Chủ tịch UBND xã TK.

Ông cho rằng, quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi:

Thứ nhất, việc UBND xã TK cho rằng tại thời điểm cấp GCNQSDĐ năm 2002, gia đình ông đã được cấp cả số diện tích 48m^2 tại vị trí giáp mặt đường Hồng Phương - Hồng Châu; đồng thời, UBND huyện YL xác định diện tích

tăng trên thực tế so với GCNQSDĐ của ông L là do gia đình ông lấn chiếm đường giao thông ngõ xóm và đường huyện lộ là không có căn cứ pháp luật. Việc gia đình ông vẫn đang giữ bản gốc "Đơn xin cắm đất thổ cư" nghĩa là gia đình ông chưa được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 48m^2. UBND xã TK không có tài liệu nào để chứng minh đã cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông 2 lần mua đất.

Kết quả kiểm tra xác minh thực địa thửa đất của gia đình ông trong Văn bản số 88 cho thấy diện tích hiện trạng là 207m^2, thừa 18m^2 so với GCNQSDĐ (189m^2), chênh lệch do sai số đo đạc qua các thời kỳ. Kết quả kiểm tra hiện trạng thửa đất trong Quyết định số 660 cho thấy diện tích đất hiện trạng là 213,3m^2 (tăng 23,3m^2), chênh lệch do gia đình ông lấn chiếm đường giao thông ngõ xóm và đường huyện lộ. Như vậy có sự mâu thuẫn trong kết luận của hai cơ quan.

Thứ hai, trong Báo cáo về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của ông Lê Văn L số 145/BC-TNMT ngày 24/9/2020, Phòng Tài nguyên Môi trường huyện YL đã kết luận một phần diện tích đất nhà ông Hà Văn Hải (hộ giáp ranh với gia đình ông) đang sử dụng lấn sang phần diện tích đất gia đình ông Nhưng không chỉ ra rõ ràng diện tích lấn sang là bao nhiêu? Từ đó, ông lý giải diện tích đất thực tế hiện nay của gia đình ông chỉ còn là 213,3m^2 là bởi một phần diện tích đất đã bị hộ giáp ranh lấn chiếm.

Thứ ba, quá trình kiểm tra hồ sơ địa chính, ông thấy thông tin trong hồ sơ liên quan đến gia đình ông bị cán bộ sửa, tẩy xóa nhiều để trùng khớp với số diện tích được ghi trên GCNQSDĐ. UBND huyện YL thấy rõ nhưng bao che, không thu hồi Quyết định 100 mà vẫn giữ nguyên Quyết định.

Ông khởi kiện Chủ tịch UBND huyện YL, Chủ tịch UBND xã TK và UBND xã TK, đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Tuyên hủy Văn bản số 88/HC-UBND ngày 13/12/2019 về việc trả lời đơn đề nghị của công dân của Ủy ban nhân dân xã TK.

2. Tuyên hủy Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn L ở Thôn YD, xã TK (lần đầu) của Chủ tịch UBND xã TK.

3. Tuyên hủy Quyết định số 660/QĐ-UBND đề ngày 26/02/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn L (lần hai) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện YL.

***Người bị kiện UBND xã TK và Chủ tịch UBND xã TK trình bày*:**

UBND xã TK nhận được Văn bản số 3538/UBND-BTCD ngày 14/11/2019 của UBND huyện YL về việc chuyển đơn đề nghị ghi ngày 12/11/2019 của ông Lê Văn L với nội dung: Đề nghị xem xét giải quyết việc gia đình ông nộp tiền và đã được UBND xã TK có văn bản cắm 48m^2 đất thổ cư ở khu Gốc Dừa kho Tân Bồi từ năm 1990, nhưng chưa được giao đất.

UBND xã TK đã tiến hành kiểm tra, xác minh theo nội dung đơn đề nghị

của công dân. Cụ thể như sau:

Hồ sơ địa chính của thửa đất: Bản đồ 299 (công nhận ngày 13/11/1988), thể hiện thửa đất 55, tờ bản đồ 13 diện tích 189 m^2; Sổ Mục kê (lập ngày 10/4/2000), thể hiện thửa đất 55, tờ bản đồ 13 diện tích 189 m^2 (có vết tẩy xóa từ số 153 thành số 189); GCNQSDĐ số R 622170 cấp ngày 10/9/2002 mang tên hộ ông Lê Văn L thể hiện thửa đất số 55, tờ bản đồ số 13, diện tích 189 m^2; Sổ Cấp GCNQSDĐ thể hiện thửa đất 55, tờ bản đồ 13 diện tích 189 m^2 cấp cho hộ ông Lê Văn L; sổ Địa chính thôn YD thể hiện thửa đất 55, tờ bản đồ 13 hộ ông Lê Văn L diện tích 189 m^2 ; bản đồ VN2000 đo vẽ 2008, tờ bản đồ số 11: thể hiện thửa đất 238, diện tích 200,1 m, ký hiệu: ONT.

Về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Lê Văn L: Năm 2002 khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Lê Văn L tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 3 diện tích 189m^2 thì tại thời điểm cấp GCNQSDĐ đã cấp cả diện tích 48m^2 ông L mua ngày 07/4/1990 nhưng do cán bộ chuyên môn khi làm thủ tục đã không thu lại đơn xin cắm đất thổ cư của ông Lê Văn L.

Đồng thời UBND tiến hành kiểm tra hiện trạng thửa đất nhà ông Lê Văn L đang sử dụng thấy tổng diện tích là 207m^2 (thừa 18m^2 so với GCNQSDĐ). Hiện trạng trên thửa đất gia đình ông Lê Văn L đang có 02 ngôi nhà xây kiên cố, công trình phụ khép kín và được xây tường bao quanh.

Đối chiếu với hồ sơ lưu trữ tại UBND xã và kết quả kiểm tra, xác minh ngoài thực địa ngày 10/12/2019, UBND xã đã ban hành Văn bản số 88 về việc trả lời đơn đề nghị của công dân.

Ngày 12/03/2020 UBND xã TK nhận được đơn khiếu nại của ông L khiếu nại Văn bản số 88.

Sau khi tiến hành kiểm tra, xác minh theo quy trình giải quyết đơn khiếu nại, Tổ xác minh nội dung khiếu nại báo cáo kết quả cụ thể như sau:

Nội dung khiếu nại thứ nhất: Việc kiểm tra thực địa trong quá trình xác minh không đầy đủ, thiếu minh bạch, có dấu hiệu của việc ngụy tạo tài liệu, cố ý làm sai lệch hồ sơ giải quyết vụ việc. Xét thấy: Kết quả kiểm tra thực địa đã được đối soát với hồ sơ địa chính đang quản lý tại UBND xã TK là hoàn toàn đúng. Nội dung khiếu nại nêu trên của ông Lê Văn L là không có cơ sở.

Ông Lê Văn L khiếu nại nội dung thứ hai: Việc xác minh, giải quyết, trả lời đơn đề nghị của công dân Chủ tịch UBND xã TK là không có căn cứ, trái pháp luật. Sau khi xác minh thấy: Quy trình giải quyết đơn đề nghị của ông Lê Văn L ghi ngày 12/11/2019, UBND xã tiến hành xem xét, xác minh có đầy đủ các căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Hồ sơ địa chính đang lưu trữ tại UBND xã, xác định diện tích đất thổ cư của gia đình ông Lê Văn L đã sử dụng ổn định lâu dài, không có tranh chấp từ năm 1990 đến nay; đo đạc hiện trạng diện tích đất gia đình ông Lê Văn L đang sử dụng đúng, đủ, đồng bộ và khớp với hồ sơ địa chính lưu trữ tại UBND xã. Nội dung khiếu nại nêu trên của ông Lê Văn L là không có cơ sở.

Việc ông Lê Văn L khẳng định 48m^2 đất thổ cư mua ngày 07/04/1990 của gia đình ông, UBND xã TK phê duyệt và thu tiền mua đất ngày 13/04/1990 nhưng chưa được giao đất, đề nghị UBND xã giao đất là không có căn cứ trái quy định của pháp luật vì: Tại Đơn xin cắm đất thổ cư ngày 07/4/1990 (nội dung như ông L đã nêu trên), tại phần cuối đơn, Ban quản lý xác nhận ngày 14/4/1990*: "Ban quản lý giao cho ông Lê Văn L 48m^2 làm đất thổ cư cách tường của HTX 0,2cm có chiều dài 9,6m, chiều ngang 5m = 48m theo quy định trên bản đồ"*. Như vậy, ngày 14/04/1990 ông Doãn Văn Chuật ban quản lý ruộng đất của xã đã tiến hành tổ chức giao đất tại thực địa cho ông Lê Văn L 48m^2, ông đã quản lý, sử dụng diện tích này ổn định lâu dài từ thời điểm giao đất đến nay không có tranh chấp.

Việc cấp GCNQSDĐ năm 2002 cho ông L đã được rà soát kỹ lưỡng trên hồ sơ địa chính, GCNQSDĐ số R 622170 ngày 01/9/2002 diện tích 189m^2 đã bao gồm cả 48m^2 đất được giao ngày 14/04/1990.

Ngày 01/7/2020, Tổ xác minh có Báo cáo kết quả giải quyết theo nội dung đơn khiếu nại lần 1 của ông L. Trên cơ sở đó, Chủ tịch UBND xã TK đã ban hành Quyết định số 100 nội dung giữ nguyên toàn bộ nội dụng Văn bản số 88 và yêu cầu ông Lê Văn L sử dụng đất đúng vị trí, ranh giới mà gia đình đã sử dụng ổn định lâu dài từ năm 1990 đến nay.

Ông L có đơn khởi kiện, UBND xã và chủ tịch UBND xã TK đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện YL trình bày: UBND huyện YL nhận được đơn khiếu nại Quyết định số 100 ngày 02/7/2020 của UBND xã TK.

Sau khi kiểm tra, xác minh tài liệu chứng cứ và làm việc với các thành phần có liên quan đều khẳng định diện tích 48m^2 UBND xã cắm đất cho gia đình ông Lê Văn L đã được UBND xã giao đất trên thực địa và gia đình ông L vẫn đang sử dụng ổn định từ năm 1990 đến nay. Diện tích này đã được cấp GCNQSD đất năm 2002 cùng với diện tích mua sau của gia đình ông L.

Về hồ sơ địa chính: Bao gồm các hồ sơ đại diện UBND xã TK Đã nêu trên và thêm một số hồ sơ: Sổ mục kê đất (không có xác nhận của UBND xã) thể hiện tại trang số 113, tờ bản đồ số 13, thửa đất số 55, tên chủ sử dụng đất Lê Văn L, diện tích 153 m^2; Sổ mục kê ruộng đất (Không có xác nhận của UBND xã) thể hiện trang số 102, số thứ tự 13, số thửa 55, cột sử dụng chính thức hay tạm giao ghi tên "L", diện tích 153 m^2; Danh sách kê diện tích đất thổ cư theo Bản đồ, sổ mục kê khu 1 đội 3 xã TK (Không có xác nhận của UBND xã) thể hiện số thứ tự 81, họ và tên chủ hộ: Lê Văn L, tờ bản đồ số 13, thửa số 55, tổng diện tích 153 m^2.

Hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho hộ ông L: UBND xã TK, Phòng Tài nguyên và Môi trường chuyện không còn lưu trữ.

UBND huyện tiến hành kiểm tra trạng sử dụng đất của hộ ông L, tổng diện tích gia đình ông L đang sử dụng 212,3m^2 (tăng 23,3m^2 so với

GCNQSDĐ, phần diện tích tăng được xác định do lấn chiếm đường giao thông ngõ xóm và đường huyện lộ). Hiện trạng trên thửa đất gia đình ông Lê Văn L đã xây dựng 02 ngôi nhà kiên cố và được xây tường bao quanh.

Từ những kết quả thu thập hồ sơ, chứng cứ trên, ngày 26/2/2021 UBND huyện YL ban hành Quyết định số 660/QĐ-UBND, cụ thể như sau:

Nội dung 1: Việc kiểm tra thực địa diện tích đất được cắm năm 1990 có chiều ngang là 5m cách tường của Hợp tác xã 0,2m chưa được thực hiện. Nội dung khiếu nại là sai vì ngày 10/12/2019 UBND xã TK đã tổ chức kiểm tra hiện trạng sử dụng đất (buổi làm việc có sự tham gia của ông Lê Văn L), các số liệu đo đạc tại buổi làm việc trùng khớp với số liệu tại Văn bản số 88.

Nội dung 2: Chưa chỉ ra được căn cứ để xác định việc cấp GCNQSDĐ năm 2002 là 189m^2 đã bao gồm 48m^2 được giao theo giấy cắm đất năm 1990.

Căn cứ các tài liệu hồ sơ lưu giữ, gia đình ông Lê Văn L được giao đất 2 lần với tổng diện tích là 201m^2 (trong đó: giao lần một năm 1990 thể hiện tại "Đơn xin cắm đất thổ cư" với diện tích 48m^2; giao lần 2 được thể hiện tại một số hồ sơ địa chính đang lưu giữ với diện tích 153m^2). Tuy nhiên, khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, do liên quan đến hành Lg đường nên các hộ phải chỉnh lý giảm 12m^2. Việc UBND xã TK xác định diện tích 189 m^2 gia đình ông Lê Văn L được cấp GCNQSD đất đã bao gồm cả 48m^2 là có cơ sở. Tuy nhiên, từ kết quả thu thập hồ sơ cho thấy năm 2002 khi thực hiện thủ tục cấp GCN cho gia đình ông Lê Văn L, diện tích mua lần một 48m^2 mới chỉ được cấp 36m^2 (do liên quan đến hành Lg đường nên các hộ phải chỉnh lý giảm 12m^2).

- Nội dung 3: Quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu chưa đúng quy định của pháp luật cụ thể: Không nhận được thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại; không thực hiện cung cấp thông tin theo quy định. Nội dung khiếu nại đúng một phần, với lý do UBND xã TK chưa chứng minh được việc đã chuyển thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại đến người có đơn. Hiện tại UBND xã TK không còn lưu giữ được hồ sơ đề nghị cấp giấy GCNQSDĐ cho hộ ông L nên không cung cấp được.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2022/HC-ST ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L.

Hủy một phần Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn L (lần hai) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện YL, cụ thể hủy một phần Điều 2 của Quyết định có nội dung: *"...Căn cứ điểm d khoản 2 điều 106 Luật đất đai năm 2013 giao Phòng tài nguyên và môi trường thực hiện thu hồi GCNQSDĐ số R622170 do UBND huyện YL cấp ngày*

10/9/2002 cho chủ sử dụng đất ông Lê Văn L theo quy định.

Giao UBND xã TK hướng dẫn gia đình ông Lê Văn L hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định".

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L về việc đề nghị Tòa án hủy Văn bản số 88/HC-UBND ngày 13/12/2019 về việc trả lời đơn đề nghị của công dân của Ủy ban nhân dân xã TK; Tuyên hủy Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn L ở Thôn YD, xã TK (lần đầu) của Chủ tịch UBND xã TK.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 29/10/2022, người khởi kiện là ông Lê Văn L có đơn kháng cáo đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Thừa nhận ông L đã được giao đất theo đơn xin cắm đất năm 1990 nhưng khi đó UBND xã TK đã giao thiếu. Đề nghị xem xét hồ sơ khiếu nại của UBND huyện YL, những yếu tố có lợi cho Người khởi kiện, cụ thể: UBND huyện thừa nhận giao thiếu 12m2. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ kết quả đo đạc thực tế của gia đình ông L để chấp nhận kháng cáo, hủy các Quyết định của UBND huyện YL và UBND xã TK

Đại diện Viện kiểm sát: Về hiện trạng thửa đất của gia đình L đã quản lý sử dụng ổn định, không tranh chấp từ năm 1990. Đến năm 2002 khi có chủ trương cấp GCNQSD đất ông L đã làm thủ tục và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 189m2 và không có ý kiến gì. Việc ông L cho rằng đây mới chỉ là diện tích ông mua lần 2 còn chưa được cấp phần diện tích 48m2 đất ông mua lần một. Đối với QĐ giải quyết khiếu nại số 660 giải quyết khiếu nại lần 2 thấy: Tại đề nghị và khiếu nại ông L không khiếu nại đối với việc được cấp GCSNQSD đất nhưng UBND huyện lại thu hồi GCN là không đúng, ảnh hưởng quyền lợi của ông L nên Tòa án cấp sơ thẩm hủy bỏ nội dung này là có căn cứ và bác các yêu cầu khác của ông L là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xư bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện: Ông Lê Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 88/HC-UBND ngày 13/12/2019 về việc trả lời đơn đề nghị của công dân của Ủy ban

nhân dân xã TK; Tuyên hủy Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND xã TK và Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện YL. Đây là các quyết định hành chính của cơ quan hành chính nhà nước và người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền ban hành trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Lê Văn L, đều là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, trong đó có Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai do Chủ tịch UBND huyện ban hành nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Do đó, Tòa án nhân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý, giải quyết vụ án là đúng đối tượng, thẩm quyền theo quy định khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính. Ngày 24/5/2021, ông Lê Văn L có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án: Tòa cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Kháng cáo của Người khởi kiện hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã gửi văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nên căn cứ khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện theo thủ tục chung.

** Về nội dung:*

[4] Về thẩm quyền và trình tự thủ tục ban hành:

Không đồng ý với Văn bản số 88/HC-UBND ngày 13/12/2019 về việc trả lời đơn đề nghị của công dân của UBND xã TK, ông Lê Văn L đã có đơn khiếu nạu gửi UBND xã TK. Ngày 17/3/2020, UBND xã TK đã ban hành các văn bản: Thông báo số 08/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của ông Lê Văn L, Quyết định số 34/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại của ông L, Quyết định số 35/QĐUBND về việc thành lập Tổ xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 02/7/2020, Chủ tịch UBND xã TK ban hành Quyết định số 100/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn L ở Thôn YD, xã TK (lần đầu). Không đồng ý với nội dung của Quyết định số 100 nên ông L có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện YL. Ngày 18/8/2020 UBND huyện YL ban hành Thông báo số 166/TBUBND về thụ lý giải quyết khiếu nại lần 2 và Quyết định số 4781/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại. Trên cơ sở kết quả xác minh khiếu nại của Tổ xác minh, ngày 26/02/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện YL ban

hành Quyết định số 660/QĐ-UBND đề ngày 26/02/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn L (lần hai).

Căn cứ các điều 17, 29, 30, 31, 32 và 33 Luật Khiếu nại; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định giải quyết khiếu nại hành chính, Ủy ban nhân dân xã TK ban hành Văn số 88; Chủ tịch UBND xã TK ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu; Chủ tịch UBND huyện YL ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của ông Lê Văn L là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

[5] Xét kháng cáo của Người khởi kiện đề nghị hủy Công văn số 88/HC-UBND; Quyết định số 100/QĐ-UBND và Quyết định số 660/QĐ-UBND với lý do UBND xã YL đã không giao đủ 48m2 trong lần xin cắm đất 1990 dẫn đến hiện nay diện tích sau hai lần mua của ông còn thiếu 23,7m2:

[5.1] Về hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Lê Văn L:

Tại Đơn xin cắm đất thổ cư ngày 07/4/1990 của ông Lê Văn L thể hiện: Ông Nguyễn Văn Bảo thay mặt UBND xã TK duyệt cho ông L 48m2 đất vào ngày 13/4/1990 và đến ngày 14/4/1990, ông Doãn Văn Chuật – đại diện Ban quản lý ruộng đất đã xác nhận*: "Ngày 14/4/1990, Ban quản lý giao cho ông Lê Văn L 48m^2 làm đất thổ cư cách tường của HTX 0,2cm có chiều dài 9,6m, chiều ngang 5m = 48m theo quy định trên bản đồ"*. Quá trình giải quyết vụ án, ông L cũng thừa nhận đã được giao đất, ông chỉ cho ràng ông không được giao đủ 48m2. Về hiện trạng thửa đất gia đình ông L đang sử dụng:

+ Phía Bắc (giáp ranh với đất nhà ông Hà Văn Hải: Hai gia đình đã tường nhà kiên cố giúp nhau dài: 15,0 m (số liệu đo máy 15m).

+ Phía Nam (giáp ranh với đường ngõ xóm): Gia đình ông Lê Văn L đã xây dựng tường bằng gạch dài 15,6 m (số liệu đo máy 15,57m).

+ Phía Đông giáp ranh với đất nhà ông Vũ Văn Tuấn): gia đình ông Lê Văn L đã xây dựng tường bằng gạch rộng 13,45 m (số liệu đo máy 13,5m).

+ Phía Tây (giáp với đường huyện lộ Hồng Châu - Hồng Phương): gia đình ông Lê Văn L đã xây lán, lợp mái tôn rộng 13,8m (số liệu đo máy 13,91m).

Tổng diện tích gia đình ông Lê Văn L đang sử dụng 212,3m^2 (tăng 23,3m^2 so với GCNQSDĐ) và gia đình ông đã quản lý, sử dụng ổn định, lâu dài, không tranh chấp từ năm 1990 đến nay. Theo ông L khai: Năm 1992 ông mua thêm 189m2 đất liền với thửa 48m2 đã mua năm 1990. Về diện tích đất mua năm 1992, ngoài lời khai của ông thì không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc năm 1992 ông mua diện tích đất là 189m^2 .

Như vậy, căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất, diện tích đất thì có căn cứ xác định GCNQSD đất cấp cho gia đình ông L năm 2002 đã bao gồm cả 2 thửa đất ông L được giao năm 1990 và mua thêm năm 1992.

[5.2] Về việc người khởi kiện cho rằng tại Quyết định số 660/QĐ-UBND, chính UBND huyện cũng thừa nhận diện tích mua lần một 48m^2 mới chỉ được cấp 36m^2 để từ đó yêu cầu phải cấp đủ hoặc bồi thường phần đất còn thiếu, Hội đồng xét xử thấy:

Tại Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 26/2/2021 của UBND huyện YL nêu rõ: *Căn cứ các tài liệu hồ sơ lưu giữ, gia đình ông Lê Văn L được giao đất 2 lần với tổng diện tích là 201m^2 (trong đó: giao lần một năm 1990 thể hiện tại "Đơn xin cắm đất thổ cư" với diện tích 48m^2; giao lần 2 được thể hiện tại một số hồ sơ địa chính đang lưu giữ với diện tích 153m^2). Tuy nhiên, khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, do liên quan đến hành Lg đường nên các hộ phải chỉnh lý giảm 12m^2. Việc UBND xã TK xác định diện tích 189 m^2 gia đình ông Lê Văn L được cấp GCNQSD đất đã bao gồm cả 48m^2 là có cơ sở"*. Như vậy, UBND huyện kết luận nguyên nhân giảm là do liên quan đến hành Lg đường nên các hộ phải chỉnh lý giảm 12m.

Tại Đơn xin cắm đất thổ cư ngày 7/4/1990, khi phê duyệt, UBND xã YL do ông Nguyễn Văn Bảo đại diện cũng ghi rõ: "Sau này do nhà nước phát triển giao thông mở rộng mặt đường anh L phải chấp hành nghiêm chỉnh". Tại thời điểm này, Luật đất đai 1987 đang có hiệu lực pháp luật và theo quy định tại điểm c khoản 4 Luật đất đai 1987 thì thẩm quyền giao đất thuộc về UBND cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Việc UBND xã giao đất cho hộ ông L là trái thẩm quyền.

Thời điểm năm 2002, khi ông Lê Văn L được cấp GCNQSDĐ số R 622170 cấp ngày 10/9/2002 tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 13, diện tích 18m2 thì Luật đất đai năm 1993 có hiệu lực. Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 23 Luật đất đai 1993: *Kế hoạch giao đất khu dân cư nông thôn để UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giao đất cho hộ gia đình, cá nhân làm nhà ở.* Như vậy, khi cấp GCNQSD đất, UBND huyện YL đã căn cứ kế hoạch, quy hoạch giao đất của UBND cấp tỉnh để cấp và chỉnh lý giảm 12m do liên quan đến hành Lg đường là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật.

[6] Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng trình tự, quy định của pháp luật; đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Tại phiên tòa phúc thẩm Người khởi kiện kháng cáo nhưng không có thêm tình tiết gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Người bị kiện. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[7] *Về án phí*: ông Lê Văn L là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác kháng cáo của Người khởi kiện là ông Lê Văn L, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2022/HC-ST ngày 28/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Lê Văn L.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Thảo

CÁC THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Xuân **Nguyễn Xuân Phách**

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Thảo